

Bản án số: **31/2024/DS - ST**

Ngày: 20/6/2024

*“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng
và hợp đồng cung ứng dịch vụ
thanh toán không dùng tiền mặt”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU - TP ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Nguyễn Thi Thi

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Chi

Ông Nguyễn Văn Cơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thuỳ Trang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa: Ông Võ Quang Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2024/TLST-DS ngày 27/02/2024, về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST – DS ngày 09 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2024/QĐST - DS ngày 24 tháng 05 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V.

Trụ sở: 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch HĐQT;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh T, ông Nguyễn Đức H, ông Lê Tài Tr, ông Đoàn Thanh Th; Địa chỉ liên hệ: Tầng 4, số 112 Phan Châu Trinh, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng. Ông Th có mặt.

- Bị đơn:

Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1995; Địa chỉ: 78/3 Đ, tổ 05 phường T quận H, TP Đà Nẵng; Địa chỉ liên hệ: K162B/10 Đ, phường T quận H, TP Đà Nẵng. Có mặt.

Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1995; Địa chỉ: Tổ 32 C, phường H, quận L, TP Đà Nẵng. Vắng mặt lần hai không có lý do.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Đ, sinh năm 1929;

- 2/ Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1972;
 - 3/ Bà Nguyễn Thị Thảo U, sinh năm 1993;
 - 4/ Ông Phạm Bá H, sinh năm 1994;
 - 5/ Cháu Phạm Bá H1, sinh năm 2013; Đại diện hợp pháp của cháu Hưng: Ông Phạm Bá H và bà Nguyễn Thị Thảo U.
 - 6/ Cháu Nguyễn Anh T, sinh năm 2016;
 - 7/ Cháu Nguyễn Anh Q, sinh năm 2019
- Đại diện hợp pháp của cháu Thư và Quân: Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn B.

Cùng địa chỉ: K162B/10 Đồng Đa, phường Thuận Phước, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

Tất cả những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt lần thứ 02.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng là ông Đoàn Thanh Thịnh trình bày:***

- Theo Hợp đồng cho vay số LN2203235426705 ngày 01/04/2022, bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn B vay vốn tại VPBank - Chi nhánh Đà Nẵng, địa chỉ tại 112 Phan Châu Trinh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng với các nội dung cụ thể như sau: Số tiền vay: 2.100.000.000 đồng (bằng chữ: Hai tỷ, một trăm triệu đồng). Thời hạn vay: 300 tháng. Mục đích sử dụng vốn: Vay bù đắp vốn tự có BĐS tại thửa đất số 65, tờ bản đồ số 29 tại địa chỉ: K162B/10 Đồng Đa, phường Thuận Phước, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân đầu tiên là 9.39%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 24 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 24 tháng, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần vào các ngày 01/1, 01/4, 01/7 và 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 02/04/2024, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày 01/07/2024. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản đảm bảo dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 300 tháng được bên ngân hàng công bố (được niêm yết tại website: www.vpbank.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3%/năm. Thực hiện Hợp đồng trên Ngân hàng đã giải ngân cho bà T và ông B số tiền 2,1 tỷ đồng theo Đề nghị giải ngân ngày 01/04/2022. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

- Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2203295464943 ngày 01/04/2022, bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn B vay vốn tại VPBank - Chi nhánh Đà Nẵng với các nội dung cụ thể như sau:

Số tiền vay: 700.000.000 đồng (bằng chữ: Bảy trăm triệu đồng).

Mục đích sử dụng vốn: Vay mua sắm đồ dùng gia đình.

Thời hạn vay 120 tháng.

Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân đầu tiên là 9.39%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 24 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 24 tháng, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản đảm bảo dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 120 tháng được bên ngân hàng công bố (được niêm yết tại website: www.vpbank.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (-) biến đổi 3,0%/năm. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

- Theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 02/04/2022.

Số tiền vay: 280.000.000 đồng (bằng chữ: Hai trăm tám mươi triệu đồng).

Mục đích sử dụng vốn: Phục vụ nhu cầu đời sống và mua bảo hiểm dư nợ tín dụng;

Thời hạn vay 60 tháng.

Lãi suất trong hạn: Đối với các khoản vay có thời hạn trên 12 tháng: Lãi suất cho vay tối đa là 20% được cố định từ ngày giải ngân đến kỳ điều chỉnh lãi suất gần nhất, trường hợp thời hạn vay thực tế từ ngày giải ngân cho đến kỳ điều chỉnh lãi suất gần nhất chưa đủ 03 tháng, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân được cố định đến hết kỳ điều chỉnh lãi suất gần nhất đó và sau đó lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần. Việc điều chỉnh lãi suất được thực hiện định kỳ vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm.

Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

- Theo Giấy đề nghị vay vốn có TSBĐ kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 23/03/2022.

Hạn mức đề nghị: 20.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng)

Loại thẻ: VP Bank Laydy

Mục đích vay: Phục vụ tiêu dùng cá nhân

Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do VP Bank quy định qua từng thời kỳ.

Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay nêu trên là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 65, tờ bản đồ số 29 có địa chỉ tại: K162B/10 Đống Đa, phường Thuận Phước, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 329445 số vào sổ cấp GCN: CTs 143399 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 14/11/2017 thuộc quyền sử hữu/sử dụng của ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị P; Cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng ngày 25/04/2021. Tài sản này đã được thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã được Phòng Công chứng chứng nhận và đã được đăng ký

giao dịch bảo đảm.

- Quá trình thực hiện Hợp đồng bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VPBank theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Tạm tính đến ngày 19/6/2024, bà T ông B còn nợ VPBank số tiền là:

1/ Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng là: 3.893.848.185 đồng, trong đó nợ gốc là 3.062.782.980 đồng, nợ lãi là 831.065.205 đồng.

2/ Dư nợ theo thẻ tín dụng 268-P-5771838 tạm tính đến ngày 19/6/2024 là 25.798.813 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Văn B phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc và lãi theo các Hợp đồng tín dụng là: 3.893.848.185 đồng, trong đó nợ gốc là 3.062.782.980 đồng, nợ lãi là 831.065.205 đồng và nợ theo thẻ tín dụng 268-P-5771838 tạm tính đến ngày 19/6/2024 là 25.798.813 đồng.

Tổng cộng toàn bộ dư nợ tính đến ngày 19/6/2024 là 3.919.646.998 đồng (Ba tỷ chín trăm mười chín triệu sáu trăm bốn mươi sáu ngàn chín trăm chín mươi tám đồng).

Bà T, ông B phải tiếp tục trả lãi suất phát sinh kể từ ngày 20/6/2024 theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ.

Nếu bà T, ông B vi phạm nghĩa vụ trả nợ, VPBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 65, tờ bản đồ 29 có địa chỉ K162B/10 Đồng Đa, phường Thuận Phước quận Hải Châu, TP Đà Nẵng theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 329445 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP Đà Nẵng cấp ngày 14/11/2017 cho ông B, bà T.

**** Tại phiên toà hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Thị P có mặt, ông Nguyễn Văn B vắng mặt tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Văn B trình bày:***

Ông bà thừa nhận việc vợ chồng có phát sinh quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP V, số tiền dư nợ tổng cộng tính đến ngày 19/6/2024 là 3.919.646.998 đồng như Ngân hàng trình bày là đúng.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là:

Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 65, tờ bản đồ số 29, tại địa chỉ: K162B/10 Đồng Đa, Phường Thuận Phước, Quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 329445, Sổ vào sổ cấp GCN CTs 143399 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành Phố Đà Nẵng cấp ngày 14/11/2017; Cập nhật thay đổi chủ sở hữu/ sử dụng ngày 25/05/2021.

Chi tiết Hợp đồng thế chấp Số LN2203235426705, Số công chứng 001264 Quyền số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 31/03/2022 tại văn phòng Công chứng Trần

Văn Hùng giữa ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị P và Ngân hàng VPBank. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay.

Tuy nhiên hiện tại vì hoàn cảnh khó khăn chưa bán được nhà nên đề nghị Ngân hàng gia hạn cho ông bà thêm một khoản thời gian để xoay sở trả nợ.

Mặt khác, ngày 24/4/2024 bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn B có đơn xin cứu xét về việc gia hạn thời gian trả nợ gốc và lãi, nội dung như sau:

Năm 2020, chúng tôi có vay vốn của TMCP Việt Nam Thịnh Vượng Chi nhánh Đà Nẵng số 112 Phan Châu Trinh, quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng, để làm ăn kinh doanh, không may cho chúng tôi khi vừa vay vốn xong là bị mùa dịch Covid19, năm 2021 là đỉnh điểm dịch, đồng thời trong mùa mưa lũ lụt tại thành phố Đà Nẵng làm cho kinh tế đảo lộn, việc kinh doanh rất khó khăn, nhưng bản thân tôi cố gắng khắc phục luôn trả nợ đúng lịch cho Ngân hàng là khách hàng có tiền sử trả nợ tốt cho Ngân hàng. Đến nay việc kinh doanh làm ăn của chúng tôi kinh tế trên đà phục hồi và phát triển mạnh mẽ, sau khi trừ các chi phí thì lãi ròng khá cao và luôn luôn ổn định trong việc kinh doanh của chúng tôi. Chúng tôi đã có đơn gửi đến Giám đốc Ngân hàng TMCP V Chi nhánh Đà Nẵng xin cứu xét cho chúng tôi xin được gia hạn thêm thời gian 30 năm kể từ năm 2024 để tôi có điều kiện tiếp tục trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

*** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án** mặc dù đã được Tòa án đã triệu tập họp lệ để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt và cũng không có văn bản nêu ý kiến và cung cấp tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn B.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 466 và 468 Bộ luật Dân sự, Điều 91 luật các tổ chức tín dụng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn B về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Buộc bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn B phải trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền nợ gốc và lãi theo các Hợp đồng tín dụng là: 3.893.848.185 đồng, trong đó nợ gốc là 3.062.782.980 đồng, nợ lãi là 831.065.205 đồng và nợ theo thẻ tín dụng 268-P-5771838 tạm tính đến ngày 19/6/2024 là 25.798.813 đồng, bao gồm các khoản vay sau:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số LN2203235426705 ngày 01/4/2022 là: 2.618.401.438 đồng, trong đó nợ gốc là 2.100.000.000 đồng, nợ lãi là 518.401.438 đồng.

- Đối với Hợp đồng tín dụng số LN2203295464943 ngày 01/4/2022 là: 901.395.333 đồng, trong đó nợ gốc là 700.000.000 đồng, nợ lãi là 201.395.333 đồng.

- Đối với Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không TSBD, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2209500316 ngày 02/4/2022 là: 374.051.414 đồng, trong đó nợ gốc là 262.782.980 đồng, nợ lãi là 111.268.434 đồng.

- Đối với Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hạn mức thẻ tín dụng 268-P-5771838 ngày 23/3/2022 là 25.798.813 đồng.

Tổng cộng toàn bộ dư nợ tính đến ngày 19/6/2024 là 3.919.646.998 đồng (Ba tỷ chín trăm mười chín triệu sáu trăm bốn mươi sáu ngàn chín trăm chín mươi tám đồng).

Ngoài ra bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn B tiếp tục trả tiền nợ lãi theo mức lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng số LN2203235426705 ngày 01/4/2022; LN2203295464943 ngày 01/4/2022; Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không TSBD, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2209500316 ngày 02/4/2022 và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hạn mức thẻ tín dụng ngày 23/3/2022 kể từ ngày 20/6/2024 cho đến thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V. Trường hợp trong các đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ, các đề nghị kiêm hợp đồng phát hành – sử dụng thẻ tín dụng quốc tế các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Nếu bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu kê biên, phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 65, tờ bản đồ 29 có địa chỉ K162B/10 Đồng Đa, phường Thuận Phước quận Hải Châu, TP Đà Nẵng theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 329445 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP Đà Nẵng cấp ngày 14/11/2017 cho ông B, bà T để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng theo quy định tại Điều 323 Bộ luật dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn bà Nguyễn Thị P có hộ khẩu thường trú tại quận Hải Châu và ông Nguyễn Văn B có địa chỉ hộ khẩu thường trú tại quận Liên Chiểu; Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập được ông B, bà T tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xem xét thẩm định tại chỗ nên vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP V với bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân quận Liên Chiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn B; Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa chỉ có bà T có mặt, ông B và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét Hợp đồng tín dụng số LN2203235426705 ngày 01/4/2022; Hợp đồng tín dụng số LN2203295464943 ngày 01/4/2022; Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2209500316 ngày 02/4/2022 và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hạn mức thẻ tín dụng 268-P-5771838 ngày 23/3/2022 được giao kết giữa Ngân hàng TMCP V với bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn B đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên và tuân thủ quy định về hình thức của hợp đồng.

Xét thấy, quá trình thực hiện Hợp đồng bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn B đã vi phạm nghĩa vụ trả của bên vay tài sản về thời hạn thanh toán nợ được quy định tại các Hợp đồng tín dụng, Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hạn mức thẻ tín dụng.

Tạm tính đến ngày 20/6/2024, bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn B còn thanh toán cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền theo các các Hợp đồng tín dụng là: 3.893.848.185 đồng, trong đó nợ gốc là 3.062.782.980 đồng, nợ lãi là 831.065.205 đồng và nợ theo thẻ tín dụng 268-P-5771838 tạm tính đến ngày 19/6/2024 là 25.798.813 đồng, bao gồm các khoản vay sau:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số LN2203235426705 ngày 01/4/2022 là: 2.618.401.438 đồng, trong đó nợ gốc là 2.100.000.000 đồng, nợ lãi là 518.401.438 đồng.
- Đối với Hợp đồng tín dụng số LN2203295464943 ngày 01/4/2022 là: 901.395.333 đồng, trong đó nợ gốc là 700.000.000 đồng, nợ lãi là 201.395.333 đồng.
- Đối với Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2209500316 ngày 02/4/2022 là: 374.051.414 đồng, trong đó nợ gốc là 262.782.980 đồng, nợ lãi là 111.268.434 đồng.
- Đối với Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hạn mức thẻ tín dụng 268-P-5771838 ngày 23/3/2022 là 25.798.813 đồng.

Tổng cộng toàn bộ dư nợ tính đến ngày 19/6/2024 là 3.919.646.998 đồng (Ba tỷ chín trăm mười chín triệu sáu trăm bốn mươi sáu ngàn chín trăm chín mươi tám đồng).

Căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP

V, buộc bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn B phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nói trên là đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn B tiếp tục trả tiền nợ lãi theo mức lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng số LN2203235426705 ngày 01/4/2022; LN2203295464943 ngày 01/4/2022; Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2209500316 ngày 02/4/2022 và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hạn mức thẻ tín dụng ngày 23/3/2022 kể từ ngày 20/6/2024 cho đến thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V. Trường hợp trong các đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ, các đề nghị kiêm hợp đồng phát hành – sử dụng thẻ tín dụng quốc tế các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP V về việc phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp ông B, bà Phượng không trả được nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số LN2203235426705 ký ngày 31/3/2022 được công chứng tại Văn phòng công chứng Trần Văn Hùng, thành phố Đà Nẵng và đã đăng ký giao dịch bảo đảm quy định tại Điều 323 Bộ luật dân sự nên có giá trị pháp lý. Do đó, trường hợp ông B, bà T không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ cho Ngân hàng thì tài sản thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 65, tờ bản đồ 29, diện tích 66,8m² có địa chỉ K162B/10 Đông Đa, phường Thuận Phước quận Hải Châu, TP Đà Nẵng; Loại nhà ở riêng lẻ; diện tích xây dựng 55,2m², diện tích sàn là 183m²; Nhà cấp III; theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 329445 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP Đà Nẵng cấp ngày 14/11/2017 cho ông B, bà T sẽ được phát mãi để thu hồi nợ cho Ngân hàng, đảm bảo cho các khoản nợ có đăng ký thế chấp tại các Hợp đồng tín dụng.

[3] Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm có: Ông Nguyễn Đăng, bà Nguyễn Thị Thu Hương, bà Nguyễn Thị Thảo Uyên, ông Phạm Bá Huy (con trai là cháu Phạm Bá Hưng); Cháu Nguyễn Anh Thư, cháu Nguyễn Anh Quân (đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn B) nếu có tranh chấp với bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn B thì có thể khởi kiện một vụ án dân sự độc lập khi có yêu cầu là phù hợp, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn ông B, bà Phượng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 110.392.940 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 63, 144, 147, khoản 2 Điều 227, 228, 235, 238, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 299, 323, 463 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn B về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Xử: Buộc bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn B phải trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền nợ gốc và lãi theo các các Hợp đồng tín dụng là: 3.893.848.185 đồng, trong đó nợ gốc là 3.062.782.980 đồng, nợ lãi là 831.065.205 đồng và nợ theo thẻ tín dụng 268-P-5771838 tạm tính đến ngày 19/6/2024 là 25.798.813 đồng, bao gồm các khoản vay sau:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số LN2203235426705 ngày 01/4/2022 là: 2.618.401.438 đồng, trong đó nợ gốc là 2.100.000.000 đồng, nợ lãi là 518.401.438 đồng.

- Đối với Hợp đồng tín dụng số LN2203295464943 ngày 01/4/2022 là: 901.395.333 đồng, trong đó nợ gốc là 700.000.000 đồng, nợ lãi là 201.395.333 đồng.

- Đối với Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2209500316 ngày 02/4/2022 là: 374.051.414 đồng, trong đó nợ gốc là 262.782.980 đồng, nợ lãi là 111.268.434 đồng.

- Đối với Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hạn mức thẻ tín dụng 268-P-5771838 ngày 23/3/2022 là 25.798.813 đồng.

Tổng cộng bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn B phải trả cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ dư nợ tính đến ngày 19/6/2024 là 3.919.646.998 đồng (Ba tỷ chín trăm mười chín triệu sáu trăm bốn mươi sáu ngàn chín trăm chín mươi tám đồng).

Ngoài ra bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn B tiếp tục trả tiền nợ lãi theo mức lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng số LN2203235426705 ngày 01/4/2022; LN2203295464943 ngày 01/4/2022; Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2209500316 ngày 02/4/2022 và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hạn mức thẻ tín dụng ngày 23/3/2022 kể từ ngày 20/6/2024 cho đến thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V. Trường hợp trong các đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ, các đề nghị kiêm hợp đồng phát hành – sử dụng thẻ tín dụng quốc tế các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Nếu bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu kê biên, phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 65, tờ bản đồ 29, diện tích 66,8m² có địa chỉ K162B/10 Đống Đa, phường Thuận Phước quận Hải Châu, TP Đà Nẵng; Loại nhà ở riêng lẻ; diện tích xây dựng 55,2m², diện tích sàn là 183m²; Nhà cấp III; theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 329445 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP Đà Nẵng cấp ngày 14/11/2017 cho ông B, bà T.

2. Án phí dân sự sơ thẩm 110.392.940 đồng (Một trăm mười triệu ba trăm chín mươi hai ngàn chín trăm bốn mươi đồng) bị đơn bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn B phải chịu.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng số tiền tạm ứng án phí là 48.001.293 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0007911 ngày 17/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.

3. Chi phí tố tụng: Xem xét, thẩm định tại chỗ 3.000.000đ (Ba triệu đồng) bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn B chịu.

4. **Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn bà Nguyễn Thị P có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Văn B và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nguyễn Thi Thi